

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02002**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **An toàn lao động điện lạnh**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050531	Nguyễn Thanh Gia	An	30/12/2009				5	8.0	8.0			5.8		6.4
2	2455202050532	Nguyễn Huỳnh Quốc	Anh	18/04/2009				8	6.0	6.0			1.0		3.2
3	2455202050533	Lê Chí	Bảo	16/09/2009				6	5.0	5.5			3.5		4.3
4	2455202050534	Trần Duy Phước	Bảo	29/03/2009				6	6.0	6.0			4.0		4.8
5	2455202050535	Lâm Khánh	Duy	07/01/2009				6	8.0	7.0			5.5		6.2
6	2455202050536	Nguyễn Ngọc Thanh	Duy	09/11/2009				6	7.0	6.0			5.0		5.6
7	2455202050537	Nguyễn Thành	Đạt	26/08/2009				6	8.0	5.0			5.5		5.9
8	2455202050538	Lê Hải	Đăng	06/10/2009				6	7.0	6.0			6.0		6.2
9	2455202050539	Lê Hồng	Đầy	27/08/2009				6	5.5	6.0			5.0		5.3
10	2455202050540	Nguyễn Hà	Hiếu	09/08/2008				6	8.0	5.5			7.5		7.1
11	2455202050541	Phạm Tuấn	Huy	09/04/2008				7	8.0	6.0			6.0		6.4
12	2455202050542	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
13	2455202050543	Nguyễn Hoàng	Khải	24/07/2009				6	5.0	7.0			7.5		6.9
14	2455202050544	Trần Thế	Khải	12/09/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
15	2455202050545	Bùi Tuấn	Khang	09/09/2009				6	8.0	6.0			5.0		5.7
16	2455202050546	Huỳnh Hữu	Kháng	21/10/2009				6	8.0	5.0			6.0		6.2
17	2455202050547	Phan Lê Bảo	Khanh	03/10/2009				6	6.0	6.0			5.5		5.7
18	2455202050548	Nguyễn Anh	Khoa	23/02/2009				7	8.0	7.0			6.0		6.6
19	2455202050549	Nguyễn Liêu Nhựt	Mỹ	06/04/2009				7	9.0	7.0			6.5		7.0
20	2455202050550	Nguyễn Công Kỳ	Nam	27/02/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2455202050551	Trần Hoàng	Nguyên	09/03/2009				6	8.0	6.0			6.0		6.3
22	2455202050552	Trương Thanh	Phát	15/08/2009				5	6.0	5.0			5.0		5.2
23	2455202050553	Nguyễn Kim Thanh	Phong	23/02/2009				6	5.0	5.5			3.5		4.3
24	2455202050554	Võ Huỳnh Thanh	Phúc	16/06/2009				7	8.0	7.0			6.0		6.6
25	2455202050555	Nguyễn Vũ	Phương	07/05/2009				6	6.0	5.0			7.0		6.4
26	2455202050556	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
27	2455202050557	Bùi Hữu	Thạnh	17/11/2009				6	8.0	7.0			4.0		5.3
28	2455202050558	Nguyễn Xuân	Thắng	07/11/2009				5	8.0	5.0			4.0		4.9
29	2455202050559	Phạm Hồng	Thắng	15/11/2009				5	7.0	6.0			6.0		6.1
30	2455202050560	Võ Ngọc	Thiệu	27/10/2009				6	6.0	6.5			3.5		4.6
31	2455202050561	Lê Quốc	Thịnh	20/08/2008				6	8.0	8.0			6.0		6.6
32	2455202050562	Trần Lê Bảo	Toàn	28/07/2009				6	7.5	7.0			6.0		6.4
33	2455202050563	Võ Ngọc	Tốt	16/04/2009				6	7.5	7.5			6.5		6.8
34	2455202050564	Mai Quang	Tuấn	08/01/2009				6	5.0	7.0			5.0		5.4
35	2455202050565	Lê Trọng	Tứ	17/06/2009				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
36	2455202050566	Nguyễn Quang Triều	Vỹ	16/04/2009				6	6.0	6.5			5.0		5.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 6 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đinh Thanh Sơn